

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 31 tháng 5 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Chu Thị H Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996; ĐKKHKT: Khu 6 (Nay là khu 2), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Bùi Tiến H, sinh năm 1991; ĐKKHKT: Khu 6 (Nay là khu 2), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh H hiện đang ở Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Trọng H, sinh năm 1967 và bà Đào Thị L, sinh năm 1970; ĐKKHKT: Khu 6 (Nay là khu 2), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Bùi Tiến H đăng ký kết hôn ngày 03/9/2013 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh H tại khu 6 (Nay là khu 2), xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi chị sinh cháu thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Đến cuối năm 2018 anh H đi lao động tại Đài Loan và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Kể từ khi anh H đi Đài Loan vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không có

sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 5 năm 2019 chị đã chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại khu 2, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Tiến H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016. Khi ly hôn chị H nhất trí để cho anh Bùi Tiến H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và cháu Đ. Anh H không đề nghị chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Trong thời gian anh H ở nước ngoài chị đồng ý để bố mẹ đẻ anh H là ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng A, cháu Đ cho đến anh H về Việt Nam đón hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Bùi Tiến H trình bày quan điểm tại đơn đề nghị đề ngày 10/3/2021: Anh và chị Nguyễn Thị Kim H đăng ký kết hôn ngày 03/9/2013 tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không hợp nhau. Hiện nay anh đang lao động tại Đài Loan và chưa quay trở lại Việt Nam. Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Bùi Tiến H xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và cháu Đ. Trong thời gian anh ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh là ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L sẽ thay anh chăm sóc và nuôi dưỡng A, cháu Đ cho đến anh về Việt Nam đón hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Anh H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Bùi Tiến H. Quá trình chung sống anh H và chị H có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng ông bà, do ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của anh H khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tuy nhiên anh H hiện nay đang làm việc ở Đài Loan nên anh H có nhờ ông bà thay anh H nuôi dưỡng cháu Anh, cháu Đ cho đến khi anh H về Việt Nam đón hai cháu. Anh H có ủy quyền cho chúng tôi nhận các văn bản tố tụng, bản án của Tòa án. Quan điểm của ông bà là nhất trí với các đề nghị của anh H và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016 cho anh Bùi Tiến H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh H chưa về nước giao các cháu cho bố mẹ đẻ anh H (Tức ông bà nội của hai cháu) là ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L ở khu 2, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi anh H về nước. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh H xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai nợ. Vì vậy không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Tiến H là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện anh H đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 9945/QLXNC-P5 ngày 19/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 21) xác nhận: “Bùi Tiến H, sinh ngày 22/9/1991, đã xuất cảnh ngày 17/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 03/9/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm không còn, hai bên không có sự quan tâm, tH yêu, chăm sóc lẫn nhau; do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H.

Hiện nay anh Bùi Tiến H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, đơn đề nghị của anh gửi từ Đài Loan về không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định dấu vân tay trong đơn đề nghị mà anh H gửi về từ Đài Loan. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL

48) đã kết luận: Dấu vân “ Ngón trỏ trái” và “Ngón trỏ phải” dưới mục ghi tên “Bùi Tiến H” trong “Đơn đề nghị” đề ngày 10/3/2021 so với dấu vân tay in ở ô “ngón trỏ trái” và “ngón trỏ phải” trên Tờ khai chứng minh nhân dân số 132091512 ghi tên Bùi Tiến H, sinh ngày 22/9/1991, nơi ĐKKHKT: Khu 6, L, T, Phú Thọ do Công an tỉnh Phú Thọ lập ngày 15/3/2008 là do cùng một người in ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Chị H và anh H xác định chồng có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016. Khi ly hôn chị H và anh H thống nhất thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và cháu Đ đến khi con chung thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Trong thời gian anh H ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh H là ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Anh, cháu Đăng cho đến khi anh H về Việt Nam đón hai cháu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228; khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H: Giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2013 và Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25/6/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Trong thời gian anh H ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh H là ông Bùi Trọng H và bà Đào Thị L sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A, cháu Đ cho đến khi anh H về Việt Nam đón hai cháu.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Bùi Tiến H thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0004419 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền